

Bản án số: 10/2024/KDTM-PT

Ngày 01-08-2024

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ
xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Chơn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điện - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2024/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ xây dựng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 09/2024/KDTM-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên T1.

Địa chỉ trụ sở: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm: 1974
- Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đào Công K, sinh năm: 1964. Địa chỉ cư trú: Số A, đường L, khóm G, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Theo văn bản ủy quyền ngày 31/10/2023 (có mặt).

- Bị đơn: Công ty cổ phần N.

Địa chỉ trụ sở: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1953
- Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1. Ông Nguyễn Thành S, sinh năm: 1980. Địa chỉ cư trú: Số A, đường L, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Theo văn bản ủy quyền ngày 05/01/2024 (có mặt).

2. Ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm: 1995. Địa chỉ: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Theo văn bản ủy quyền ngày 05/01/2024 (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: Khu đô thị B, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Tạ Văn H, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: Khóm F, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Theo văn bản ủy quyền ngày 20/01/2024 (xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đào Công K trình bày:

Ngày 06/11/2018 Công ty TNHH một thành viên T1 (gọi tắt: Công ty T1) và Công ty cổ phần N (gọi tắt: Công ty N) ký Hợp đồng số 20/2018/HĐ-XD để xây dựng 02 dãy nhà liên kế 10 căn thuộc khu dân cư N với tổng giá trị hợp đồng là 10 căn x 700.000.000 đồng/căn = 7.000.000.000 đồng. Tại Điều 7.1 của Hợp đồng quy định rõ nghĩa vụ thanh toán và trách nhiệm của các bên.

Công trình đã hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 26/6/2019 và cũng hết thời gian bảo hành, với tổng giá trị khối lượng đạt được là 7.000.000.000 đồng, Công ty N đã thanh toán tạm ứng 4.900.000.000 đồng, còn lại chưa thanh toán 2.100.000.000 đồng. Công ty T1 đã xuất hóa đơn bán hàng (GTGT) cho Công ty N với giá trị 7.000.000.000 đồng, hiện nay Công ty N đã thu đủ tiền của các hộ dân sở hữu 10 căn nhà nói trên nhưng vẫn chưa thanh toán lại cho Công ty T1 theo quy định tại hợp đồng.

Vào các ngày 12/7/2023, 04/10/2023, Công ty T1 có văn bản gửi đến Công ty N đề nghị xem xét, giải quyết khoản nợ nhưng đến nay Công ty N vẫn không hợp tác.

Từ những lý do trên, nay Công ty T1 yêu cầu Công ty N thanh toán số tiền còn nợ 2.100.000.000 đồng và chấm dứt Hợp đồng số 20/2018/HĐ-XD ngày 06/11/2018.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện, do còn một số khách hàng chưa thanh toán hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu Công ty N thanh toán số tiền 1.270.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án đại diện bị đơn ông Nguyễn Thành S trình bày:

Đối với Hợp đồng số 20/2018/HĐ-XD ngày 06/11/2018 ký kết giữa Công ty T1 và Công ty N (cũ) hiện tại Công ty N không biết do mới tiếp quản Công ty từ tháng 5/2021 nên không thừa nhận hợp đồng này, do ông Trần Văn T (Giám đốc) không bàn giao hồ sơ, tài liệu liên quan đến hợp đồng này, con dấu trên hợp đồng hiện nay do ông T giữ nên bị đơn không xác định được có phải của Công ty hay

không, yêu cầu làm rõ nhưng bị đơn không yêu cầu giám định. Ngoài ra, bị đơn chưa nhận được hồ sơ quản lý chất lượng từ nhà thầu thi công như: các bản vẽ, nghiệm thu của giám sát, hóa đơn chứng từ gì liên quan đến các công trình này. Vì vậy Công ty N không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời Công ty N có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án, hợp đồng ký kết năm 2018, 2019 đưa vào sử dụng và đến năm 2023 nguyên đơn khởi kiện nên vụ án không còn thời hiệu khởi kiện, yêu cầu Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Văn H trình bày:

Trước đây trong giai đoạn ông Trần Văn T làm Giám đốc Công ty N có ký Hợp đồng số 20/2018/HĐ-XD ngày 06/11/2018 với Công ty T1 để xây dựng 02 dãy nhà liên kế 10 căn thuộc khu dân cư N bao gồm: Đường D: 04 căn từ lô 37b đến số D thuộc khu C và đường D7: 06 căn từ lô số 69 đến số G thuộc khu C. Tổng giá trị hợp đồng là 10 căn x 700.000.000 đồng/căn 7.000.000.000 đồng. Số tiền Công ty N đã chuyển khoản thanh toán cho Công ty T1 là 4.900.000.000 đồng.

Theo quy định thanh toán của hợp đồng thì trường hợp khách hàng đăng ký mua nhà và đặt cọc, Công ty N sẽ thanh toán cho Công ty T1 100% giá trị đặt cọc của người mua, khi nào người mua trả đủ cho Công ty N thì Công ty N sẽ thanh toán đủ cho Công ty T1; sau khi hồ sơ quyết toán được duyệt và 02 bên chấp thuận, có đủ các chứng từ thanh toán kèm theo, thanh toán bằng 95% giá trị quyết toán, phần còn lại (5% giá trị quyết toán) Công ty giữ lại giá trị bảo hành, sẽ được Công ty N thanh toán sau khi Công ty T1 hoàn thành trách nhiệm bảo hành theo quy định.

Vào ngày 26/6/2019 công trình đã hoàn thành nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và đến nay cũng đã qua hết giai đoạn bảo hành (bảo hành 12 tháng). Do kinh doanh gặp khó khăn nên sau lần thanh toán sau cùng vào ngày 10/12/2019 nêu trên, Công ty N không còn tiếp tục thanh toán cho Công ty T1 nữa mặc dù đã được khách hàng tiếp tục thanh toán mua nhà cho Công ty N là 1.270.000.000 đồng (vào các ngày 24/11/2020: 550.000.000 đồng, ngày 10/01/2021: 200.000.000 đồng và ngày 02/5/2021: 520.000.000 đồng), Công ty N đã dùng nguồn tiền này để chi trả cho các khoản chi phí hoạt động của chính công ty, sau đó ông T không còn làm giám đốc công ty N (là ngày 14/5/2021) nên số tiền còn lại phải thu của khách hàng cho đủ số tiền, ông T không rõ ban lãnh đạo mới sau này của Công ty N đã thu thêm được bao nhiêu.

Vì vậy ông T xác định số tiền mà công ty N còn nợ Công ty T1 2.100.000.000 đồng và Công ty N có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho Công ty T1 theo hợp đồng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 09/2024/KDTM-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1.

Buộc Công ty cổ phần N phải thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên T1 tổng số tiền là: 1.270.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024 bị đơn là Công ty N có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 09/2024/KDTM-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn là Công ty N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty N tranh luận: Theo quy định của Bộ luật dân sự thì khoản nợ theo yêu cầu của nguyên đơn là chưa đến thời gian thanh toán vì theo thỏa thuận tại Hợp đồng, Công ty N sẽ thanh toán khi nào khách hàng thanh toán hết nợ. Khoản nợ khách hàng là ông M đã thanh toán còn thiếu lại là 70 triệu nhưng Công ty T1 yêu cầu trả là chưa đúng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T1 tranh luận: Khoản tiền mà nguyên đơn yêu cầu thì các khách hàng đã thanh toán xong toàn bộ cho bị đơn Công ty N. Riêng khoản tiền của ông M thì phía nguyên đơn xác định khách hàng là ông M đã thanh toán đủ toàn bộ tiền nhà nên Công ty T1 mới yêu cầu trả. Đối với số tiền 70 triệu khách hàng là ông M thiếu là tiền đất ông M còn nợ bị đơn Công ty N không liên quan đến khoản nợ Công ty yêu cầu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần N. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 09/2024/KDTM-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị đơn Công ty N kháng cáo cho rằng số tiền thu được từ các hợp đồng trên hiện do ông Trần Văn T – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chiếm giữ và chưa bàn giao lại cho Công ty N. Hơn nữa phía nguyên đơn Công ty T1 chưa bàn giao bản vẽ thiết kế thi công nghiệm thu công trình dẫn đến Công ty N không thể

hoàn thiện hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho khách hàng. Quá trình xác minh còn nhiều khách hàng chưa thanh toán đủ nên chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán phần tiếp theo vì tại hợp đồng có quy định khi nào khách hàng thanh toán đủ tiền thì Công ty N mới thanh toán đủ tiền cho nguyên đơn. Với các lý do nêu trên bị đơn Công ty N không chấp nhận thanh toán số tiền theo yêu cầu nguyên đơn và yêu cầu sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2024/KDTM-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét lý do bị đơn Công ty N đưa ra để không đồng ý thanh toán, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Hợp đồng số 20/2018/HĐ-XD ngày 06/11/2018 được ký kết giữa Công ty T1 và Công ty N với giá trị của hợp đồng là 7.000.000.000 đồng.

Ngày 05/02/2019 giữa Công ty N và Công ty T1 đã thống nhất tiến hành đối chiếu khối lượng công trình và quyết toán, Công ty N đã chuyển thanh toán 4.900.000.000 đồng cho Công ty T1 còn lại 2.100.000.000 đồng. Phía Công ty T1 cũng đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty N số tiền 7.000.000.000 đồng.

Vào ngày 26/6/2019 đại diện Công ty N là ông Trần Văn T - Giám đốc đã cùng đại diện Công ty T1 là bà Lê Thị P - Giám đốc tiến hành nghiệm thu công trình xây dựng. Trên thực tế Công trình đã hoàn thành nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và đến nay cũng đã hết giai đoạn bảo hành.

Ngày 27/02/2024 Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện có 02 dãy nhà liên kề 10 căn thuộc khu dân cư N bao gồm: Đường D: 04 căn từ lô 37b đến số D thuộc khu C và đường D7: 06 căn từ lô số 69 đến số G thuộc khu C là có thật. Hiện 02 dãy nhà trên đã chuyển nhượng toàn bộ cho khách hàng (có hợp đồng chuyển nhượng), trong đó có 06 căn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, còn lại 04 căn chưa cấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở.

Theo nội dung của hợp đồng thì trường hợp khách hàng đăng ký mua nhà và đặt cọc, Công ty N sẽ thanh toán cho Công ty T1 100% giá trị đặt cọc của người mua, khi nào người mua trả đủ cho Công ty N thì Công ty N sẽ thanh toán đủ cho Công ty T1 sau khi hồ sơ quyết toán được duyệt và 02 bên chấp thuận, có đủ các chứng từ thanh toán kèm theo, thanh toán bằng 95% giá trị quyết toán, phần còn lại (5% giá trị quyết toán) Công ty giữ lại giá trị bảo hành (12 tháng), sẽ được Công ty N thanh toán sau khi Công ty T1 hoàn thành trách nhiệm bảo hành theo quy định.

Như vậy do thực tế công trình đã hoàn thành đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng ngày 26/6/2019, hiện tại cũng hết thời gian bảo hành, với tổng giá trị khối lượng đạt được là 7.000.000.000 đồng, Công ty N đã chuyển khoản thanh toán cho Công ty T1 là 4.900.000.000 đồng, sau đó phía khách hàng đã tiếp tục thanh toán thêm số tiền 1.270.000.000 đồng nhưng bị đơn Công ty N không thanh toán tiếp cho nguyên đơn Công ty T1. Như vậy phía bị đơn Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Do đó án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ mà khách hàng đã thanh toán là 1.270.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp qui định pháp luật.

Đối với việc giữa Công ty N và ông T chưa bàn giao hồ sơ, tài liệu cùng số tiền thanh toán của khách hàng như đại diện bà B trình bày là một giao dịch khác không liên quan đến vụ án này, đây không phải là cơ sở để bà B khước từ nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn bởi lẽ: Bà Nguyễn Thị B tiếp nhận lại Công ty N là tiếp nhận các quyền lợi của Công ty N và tiếp nhận đồng thời với nghĩa vụ đối với Công ty N, nên phía bị đơn Công ty N không thể nhận được quyền lợi mà từ chối nghĩa vụ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn là Công ty N có kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tài liệu hay chứng cứ gì mới ngoài các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét như đã nhận định.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty N. Cần giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 09/2024/KDTM-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau là phù hợp.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty N nên bị đơn Công ty N phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần N.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 09/2024/KDTM-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên T1.

Buộc Công ty cổ phần N phải thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên T1 tổng số tiền là 1.270.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Công ty TNHH một thành viên T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty cổ phần N không thi hành xong khoản tiền trên, thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:
+ Công ty cổ phần N phải chịu số tiền 50.100.000 đồng (Chưa nộp)
+ Công ty TNHH một thành viên T1 không phải chịu. Ngày 28/11/2023, Công ty TNHH một thành viên T1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng) theo biên lai thu số 0007719 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại toàn bộ.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bị đơn Công ty cổ phần N phải chịu số tiền 2.000.000 đồng. Ngày 02/5/2024 Công ty đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm số tiền 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0008554 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Minh Hoàng